

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HS-ST

Ngày 28 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Văn Sâm

Bà Lê Thị Kim- Giáo viên trường THCS Lê Thánh Tông, huyện T

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu L- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở TAND huyện T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST - HS ngày 12/4/2022 đối với bị cáo: Nguyễn Thị H, sinh ngày 05 tháng 05 năm 1992 tại thị trấn S , huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu phố X , thị trấn S, huyện T, tỉnh T ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố: Nguyễn Hữu C (đã chết); Mẹ: Trần Thị X , sinh năm 1971; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 1; Chồng: Nguyễn Văn H , sinh năm 1994; Có 01 con sinh năm 2014; Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 11/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện L , tỉnh T xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội; “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 36 tháng, theo Bản án số 03/2018/HS-ST. Ngày 11/5/2021 chấp hành xong thời gian thử thách. Ngày 10/7/2018 chấp hành xong án phí.

Nhân thân:

- Ngày 07/4/2011 bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000đ về hành vi ghi bán số đề;

- Ngày 28/3/2013 bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính 750.000đ về hành vi đánh nhau;

- Ngày 22/7/2014 bị Công an phường T , thành phố T xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000đ về hành vi bán băng đề;

- Ngày 06/6/2015 bị Công an phường T , thành phố T xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000đ về hành vi bán băng đề;

Bị cáo bị áp dụng Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Chị Trịnh Thị Phương T ; Sinh ngày 19/4/2006. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của Bị hại: Bà Hà Thị H , sinh năm 1980. Vắng mặt
Đều trú tại: Thôn M 3 xã B , huyện T, tỉnh T.

- *Người làm chứng:* 1. Chị Trịnh Thị Diệu L , sinh năm 2002. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn M 3 xã B , huyện T, tỉnh T.

2. Chị Lộc Thị T ; Sinh năm 2002. Vắng mặt

Trú tại: Số 176 đường Lê Lợi, khu 5 thị trấn T, huyện T, tỉnh T.

3. Anh Đỗ Văn M , sinh năm 1999. Vắng mặt

Trú tại: Thôn 3 xã X , huyện T, tỉnh T.

4. Chị Lê Thị H, sinh năm 1989. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 1 xã X , huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 03/01/2022 Trịnh Thị Diệu L (sinh năm 2002, Địa chỉ: xã B , huyện T, tỉnh T) nhờ Nguyễn Thị H đến công ty Hưng Thịnh Phát ở khu 5 thị trấn T, huyện T để giúp dọn dẹp quán chuẩn bị khai trương. Tối cùng ngày H ở lại công ty và chơi cùng Lộc Thị T (sinh năm 2002, tạm trú tại khu 5 thị trấn T, huyện T) và Trịnh Thị Phương T (sinh năm 2006 trú tại xã B , huyện T). Khi ngồi chơi cùng nhau H mượn điện thoại của T để xem ảnh thì biết điện thoại của T nhãn hiệu Iphone XR độ Iphone 13. Xem ảnh xong H trả lại điện thoại cho T rồi đi ngủ cùng Trúc tại tầng 1, T và L ngủ tại tầng 2. Trước khi ngủ L nhờ H sáng mai gọi dậy sớm để chuẩn bị khai trương. Khoảng 5h sáng ngày 04/01/2022 H thức dậy nhận tin gọi L, không thấy L trả lời nên H đã lên phòng gọi L. Khi lên phòng thấy L và T đang ngủ, H vào gọi nhưng L vẫn ngủ tiếp. Lúc này thấy điện thoại của T đang sạc dưới nền phòng nên H nảy sinh ý định trộm cắp để sử dụng. H lén lút rút điện thoại

ra khỏi sạc rồi lấy điện thoại đi xuống tầng, bật chế độ im lặng và bỏ vào túi đựng quần áo, sau đó H cất túi vào trong cốp xe máy điện của mình. Đến khoảng 6h30 phút thì L dậy. H nói với L là đi đón mẹ rồi điều khiển xe máy điện đi đến nhà nghỉ An An thuộc thôn 1 xã Xuân Giang, huyện T thuê phòng nghỉ 102 để vệ sinh cá nhân. Khi vào phòng H lấy điện thoại ra, tháo ốp lưng, mở máy nhưng không được nên để điện thoại ở chế độ máy bay. Khi tháo ốp lưng H thấy căn cước công dân của T ở mặt sau ốp lưng nên bỏ cả điện thoại và căn cước công dân vào túi quần áo của mình.

Đến 07h T thức dậy nhưng không thấy điện thoại của mình. Định vị tìm điện thoại phát hiện vị trí của điện thoại ở khu vực nhà nghỉ An An nên đã cùng Tr đi đến nhà nghỉ An An thì gặp H. T hỏi H có cầm điện thoại của mình không thì H nói không cầm. Sợ bị T và Tr kiểm tra đồ nên H đã đi xe về hướng thị trấn T. Trên đường đi đến công ty may dục mường nước thuộc thôn 1 xã X tiếp giáp xã T, H vứt cả điện thoại và căn cước của T sang bên phải đường theo hướng đi ra thị trấn T. Trưa cùng ngày H quay lại công ty Hưng Thịnh Phát để dự liên hoan khai trương. T và L hỏi H về điện thoại nhưng H vẫn không nhận đã lấy điện thoại của T. Chiều cùng ngày T đến Công an thị trấn T để báo cáo về việc mất điện thoại. Công an thị trấn T tiếp nhận tin báo và tiến hành xác minh, triệu tập làm việc đối với Nguyễn Thị H sau đó bàn giao hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, H đã đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản là chiếc điện thoại Iphone XR màu hồng của T. Tiến hành tìm kiếm tại phòng nghỉ 102 nhà nghỉ An An thì phát hiện 01 chiếc ốp lưng bằng nhựa dẻo trong suốt trên giường phòng nghỉ. T xác nhận chiếc ốp lưng trên là của T bị mất cùng chiếc điện thoại.

Ngày 06/01/2022 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định yêu cầu định giá tài sản đối với điện thoại nhãn hiệu Iphone XR độ Iphone 13.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL - HĐĐG ngày 07/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị của chiếc điện thoại tại thời điểm trộm cắp trị giá là 8.240.000đ.

Đối với điện thoại nhãn hiệu Iphone XR độ Iphone 13 màu hồng và thẻ căn cước công dân của Trịnh Thị Phương T cơ quan điều tra đã truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả. Đối với chiếc ốp lưng điện thoại cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về phần dân sự: Quá trình điều tra bị cáo H đã mua cho T 01 chiếc điện thoại khác có giá trị tương đương để khắc phục hậu quả. Người bị hại không yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 22/CT - VKS ngày 25/3/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, n, s khoản 1, 2 điều 51; Điểm h, i khoản 1 điều 52; Điều 38 BLHS xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H từ 12(mười hai) tháng đến 15(Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo; Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại trong quá trình điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản thu giữ tang vật, lời khai của những người làm chứng đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào ngày 04/01/2022 bị cáo Nguyễn Thị H đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc điện thoại Iphone XR độ Iphone 13 màu hồng trị giá 8.240.000đ của cháu Trịnh Thị Phương T. Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Cáo trạng số 22/CT - VKS ngày 25/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật Nhà nước bảo vệ. Hành vi đó đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là thanh niên nhưng lười lao động, không chịu khó làm ăn, tu dưỡng đạo đức, thích hưởng thụ tài sản trên công sức lao động của người khác. Bị cáo đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Điều đó chứng tỏ rằng bị cáo rất coi thường pháp luật.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo: Khi xem xét về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì HĐXX thấy rằng: Bị cáo có 01 Tiền án: Ngày 11/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện L , tỉnh T xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội; “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 36 tháng, theo Bản án số 03/2018/HS-ST. Ngày 11/5/2021 chấp hành xong thời gian thử thách. Ngày 10/7/2018 chấp hành xong án phí. Ngoài ra Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 07/4/2011 bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000đ về hành vi ghi bán số đề; Ngày 28/3/2013 bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính 750.000đ về hành vi đánh nhau; Ngày 22/7/2014 bị Công an phường Tân Sơn, thành phố T xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000đ về hành vi bán bằng đề; Ngày 06/6/2015 bị Công an phường T thành phố T xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000đ về hành vi bán bằng đề. Bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý. Ngoài ra Bị cáo phạm tội đối với người dưới 16 tuổi nên bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h và i khoản 1 điều 52 BLHS. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Ngoài ra Bị cáo là phụ nữ có thai nên bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, b, n khoản 1 điều 51 BLHS. Bị hại có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo nên Bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về hình phạt: Bị cáo có 01 tiền án và nhân thân xấu nên HĐXX bắt bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại và Người đại diện hợp pháp của Bị hại được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Các điểm s, b, n khoản 1, 2 điều 51; Điểm h, i khoản 1 điều 52; Điều 38 BLHS;

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 12(Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.
- Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ án phí HSST nộp ngân sách nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1, 4 điều 331 và khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại và Người đại diện hợp pháp của Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T
- Trại tạm giam Công an tỉnh T;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của Bị hại
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng